TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 225/2026/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1840/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/11/1982; Căn cước công dân: 038182003348; Địa chỉ: 1 Đường số C, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/4/1986; Căn cước công dân: 079186008399; Địa chỉ: 1 Đường số C, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 228 Quyển số 02/2012 ngày 22/10/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp. Bà N và ông T có nơi cư trú tại xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Bà N và ông T xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/12/2013.

Các bên thỏa thuận giao trẻ H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do các tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* do bà N và ông T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/12/2013.

+ Ông T có trách nhiệm giao trẻ H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên cho ông T do các bên không yêu cầu.

+ Bà N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông T đến thăm con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà N và ông T phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0004377 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 8 - TP.HCM;
- UBND xã Củ Chi, TP.HCM (GKH số 228 Quyển số 02/2012 ngày 22/10/2012 Của UBND xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TP.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

Võ Phước Lý